

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22-4-2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân:

1. Bà Phan Thị Khánh Phượng

2. Bà Đinh Thị Thanh Thủy

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lưu Quốc Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Phương.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 496/2024/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 10/4/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Tiến D, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt

- Bị đơn: Bà Lê Thị Bích H, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15-4-2024, trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Bùi Tiến D trình bày:

Ông với bà Lê Thị Bích H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường hay cãi vã nhau, bà H có xúc phạm đến ông khi ông đi làm hoặc đi nhậu về trễ. Bà H thường hay ganh tỵ với người khác; xúc phạm ông trước mặt bạn bè. Giữa ông với bà H đã sống ly thân từ tháng 7/2024 đến nay phần ai người đó sống không ai quan tâm gì đến ai. Vào tháng khoảng

tháng 5/2024 ông có nộp đơn khởi kiện ly hôn đến Tòa án nhưng sau đó rút đơn khởi kiện, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Mục đích rút đơn là để vợ chồng về hàn gắn lại tình cảm nhưng vẫn không có tiếng nói chung nên tiếp tục sống ly thân nhau; phần ai người đó sống; không quan tâm gì đến nhau. Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Lê Thị Bích H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Bùi Lê Gia H1, sinh ngày 08/8/2011. Hiện nay con đang ở với mẹ. Nay ly hôn ông có nguyện vọng được giao con cho bà Lê Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con một tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tại thời điểm Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về tài sản chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu hòa giải trong vụ việc ly hôn ngày 22/12/2024, trong quá trình tố tụng tại Tòa án bà Lê Thị Bích H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân giữa bà với ông D là hợp pháp. Quá trình chung sống thì vợ chồng lâu lâu cũng có cãi vã với nhau. Tuy nhiên, vợ chồng rất yêu thương nhau. Bản thân thường xuyên quan tâm, lo lắng cho chồng và mẹ chồng. Đôi khi chồng có đi làm hoặc đi nhậu về trễ thì bà có quan tâm, lo lắng nên điện thoại và có la mắng chồng và mắng vốn mẹ chồng. Bà với ông D sống ly thân từ tháng 10/2024. Nguyên nhân sống ly thân là do ông D không muốn về nhà. Từ khi sống ly thân nhau thì bà luôn quan tâm, lo lắng cho ông D nhưng ông D không để ý đến. Vào cuối năm 2024 ông D có làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà. Quá trình giải quyết thì ông D có rút đơn khởi kiện. Nhưng từ ngày rút đơn khởi kiện thì ông D luôn ở lại chỗ làm và sống ly thân với bà. Bà luôn quan tâm đến ông D nhưng ông D không hề quan tâm đến bà. Nay ông D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà. Bà không đồng ý ly hôn vì bà vẫn còn yêu thương chồng.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Bùi Lê Gia H1, sinh ngày 08/8/2011. Hiện nay con đang ở với bà. Trường hợp ông D kiên quyết ly hôn và Tòa án giải quyết cho ly hôn thì bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con. Không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con và cũng không đồng ý để cho ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bảo đảm được quyền lợi của các đương sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 203, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51,

Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận khởi kiện của ông Bùi Tiến D.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Tiến D được ly hôn với bà Lê Thị Bích H.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Lê Gia H1, sinh ngày 08/8/2011 cho bà Lê Thị Bích H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông D chưa cấp dưỡng nuôi con. Ông D có quyền, nghĩa vụ đến thăm, chăm sóc cháu H1 không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông D phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn; Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Bùi Tiến D vắng mặt có đơn xin vắng mặt; bị đơn bà Lê Thị Bích H vắng mặt không lý do. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Bùi Tiến D và bị đơn Lê Thị Bích H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S (N là phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi) vào ngày 20/09/2010. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông D với bà H là hợp pháp. Ông D yêu cầu ly hôn với bà H vì cho rằng vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân nhau. Cuối năm 2024 ông đã nộp đơn khởi kiện ly hôn, quá trình giải quyết ông đã rút đơn khởi kiện nhằm mục đích hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không đạt được mục đích. Bà H không đồng ý ly hôn vì cho rằng quá trình chung sống bà rất thương yêu ông D mặc dù bà có la mắng ông D khi ông D đi làm hoặc đi nhậu về muộn và vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 10/2024 mãi đến nay. Như vậy, có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông D với bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D; cho ông D được ly hôn với bà H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; khoản 3 Điều 4 Nghị

quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con tên Bùi Lê Gia H1, sinh ngày 08/08/2011, hiện đang ở với mẹ. Ông D, bà H thỏa thuận giao con cho bà H trực tiếp nuôi, cháu H1 có nguyện vọng được ở với mẹ nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H1 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con; ông D thống nhất không cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông D có quyền, nghĩa vụ đến thăm, chăm sóc cháu H1 không ai được cản trở

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Bùi Tiến D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ và các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 4, Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tiến D

1. Ông Bùi Tiến D được ly hôn với bà Lê Thị Bích H.

2. Giao cháu Bùi Lê Gia H1, sinh ngày 08/8/2011 cho bà Lê Thị Bích H trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Bùi Tiến D có quyền, nghĩa vụ đến thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Ông Bùi Tiến D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 3826, ngày 17/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Vân